HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02 /2017/NQ-HĐND	*Quảng Trị, ngày 22 tháng 5 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Về việc quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội và Công văn số 16561/BTC-HCSN ngày 27/11/2012 của Bộ Tài chính về việc trả lời định mức chi tiêu của Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 09/TTr-HĐND ngày 15/5/2017 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, bao gồm: Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Hội đồng nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hướng dẫn, triển khai thực hiện Nghị quyết.

Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Quá trình thực hiện, nếu phát sinh về định mức chi tiêu liên quan đến nghị quyết này, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 22/5/2017; được áp dụng kể từ ngày 01/7/2017 và thay thế các Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND ngày 16/8/2012, Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/8/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Văn Hùng

Nơi nhận:
- VPQH, VPCTN, VPCP;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TVTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VPTU, VPHĐND tỉnh, VPUBND tỉnh;
- Sở TC, KBNN tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

936

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 22/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và không chuyên trách ở cấp tỉnh, huyện, xã;

2. Thành viên Ủy ban nhân dân (UBND), các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Chế độ chi tiêu bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị, bao gồm:

1. Chi phục vụ hoạt động giám sát tại kỳ họp HĐND;

2. Chi hỗ trợ xây dựng văn bản phục vụ hoạt động HĐND của Thường trực HĐND;

3. Chi hỗ trợ cho hoạt động giám sát, khảo sát;

4. Chi hỗ trợ họp, hội nghị, hội thảo chuyên đề thực hiện nhiệm vụ chuyên môn do HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND tổ chức;

5. Chi hỗ trợ đại biểu tiếp xúc cử tri;

6. Chi hỗ trợ đối với các Ban và Tổ đại biểu HĐND;

7. Chi hỗ trợ phương tiện làm việc đối với đại biểu HĐND

8. Chi khác phục vụ hoạt động HĐND.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện:

1. Sử dụng đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bảo đảm kế hoạch hoạt động của HĐND;

2. Các quy định về chế độ, định mức hỗ trợ hoạt động của HĐND các cấp được thực hiện từ kinh phí được giao hàng năm và quyết toán với ngân sách cùng cấp;

3. Các chế độ chi khác đảm bảo cho hoạt động của HĐND các cấp không có trong Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Quảng Trị.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chi phục vụ kỳ họp HĐND

1. Hỗ trợ đại biểu HĐND nghiên cứu tài liệu:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/kỳ họp;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/người/kỳ họp;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/kỳ họp.

2. Xây dựng các báo cáo phục vụ kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 600.000 đồng/Văn bản;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/Văn bản;
- Cấp xã: 200.000 đồng/Văn bản.

3. Hỗ trợ đại biểu tham dự kỳ họp:

a) Chủ tọa kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 250.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 200.000 đồng/người/ngày.

b) Thư ký kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 250.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 150.000 đồng/người/ngày.

c) Hỗ trợ tiền ăn đại biểu HĐND, đại biểu mời:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

d) Công chức, nhân viên phục vụ

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 70.000 đồng/người/ngày.

Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, Thường trực HĐND cấp xã có trách nhiệm tổ chức ăn, nghỉ cho đại biểu HĐND và khách mời tham dự kỳ họp (Chế độ nghỉ của đại biểu HĐND và khách mời thực hiện theo quy định hiện hành)

4. Kiểm tra, rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện dự thảo nghị quyết có chứa QPPL trước, sau khi thông qua nghị quyết:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/dự thảo nghị quyết;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/dự thảo nghị quyết;
- Cấp xã: 200.000 đồng/dự thảo nghị quyết.

5. Kiểm tra, rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện dự thảo nghị quyết trước, sau khi thông qua Nghị quyết cá biệt:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/dự thảo nghị quyết;
- Cấp huyện: 100.000 đồng/dự thảo nghị quyết;
- Cấp xã: 100.000 đồng/dự thảo nghị quyết.

Điều 5. Chi hỗ trợ xây dựng văn bản phục vụ hoạt động HĐND của Thường trực HĐND:

1. Xây dựng báo cáo, văn bản hướng dẫn của Thường trực HĐND:

- Cấp tỉnh: 600.000 đồng/báo cáo;
- Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

2. Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ hoạt động HĐND:

- Cấp tỉnh: 6.000.000 đồng/Văn bản;
- Cấp huyện: 3.000.000 đồng/Văn bản;
- Cấp xã: 1.500.000 đồng/Văn bản.

3. Xây dựng nghị quyết của Thường trực:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/nghị quyết;
- Cấp huyện: 500.000 đồng/nghị quyết;
- Cấp xã: 300.000 đồng/nghị quyết.

4. Kiểm tra, rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện dự thảo nghị quyết của Thường trực HĐND:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/dự thảo nghị quyết;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/dự thảo nghị quyết;
- Cấp xã: 100.000 đồng/dự thảo nghị quyết.

5. Chế độ chi báo cáo thẩm tra:

a) Thẩm tra các văn bản có chứa quy phạm pháp luật: Thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

b) Thẩm tra các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết không chứa văn bản QPPL trình kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/dự thảo nghị quyết;
- Cấp huyện: 600.000 đồng/dự thảo nghị quyết;
- Cấp xã: 300.000 đồng/dự thảo nghị quyết.

c) Thẩm tra các báo cáo khác trình kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/Báo cáo;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/Báo cáo;
- Cấp xã: 150.000 đồng/Báo cáo.

Điều 6. Chi hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND:

1. Chi xây dựng văn bản giám sát:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung và đề cương giám sát:

- Cấp tỉnh: 900.000 đồng/Văn bản;
- Cấp huyện: 600.000 đồng/Văn bản;
- Cấp xã: 300.000 đồng/Văn bản.

b) Xây dựng báo cáo kết quả giám sát của đoàn giám sát:

- Cấp tỉnh: 1.600.000 đồng/báo cáo;
- Cấp huyện: 800.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 400.000 đồng/báo cáo.

2. Chi xây dựng văn bản khảo sát: Chế độ chi cho việc xây dựng các văn bản (nếu có) được áp dụng theo quy định tại khoản 1, mục này.

3. Chi cho thành viên tham gia đoàn giám sát, khảo sát:

a) Trưởng đoàn:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 120.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày;

b) Thành viên của đoàn:

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 80.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 70.000 đồng/người/ngày;

- CBCC, nhân viên phục vụ hỗ trợ bằng 80% của thành viên đoàn giám sát.

c) Hỗ trợ tiền ăn (tại cơ sở, xã cần ở lại):

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

4. Bồi dưỡng nghiên cứu tài liệu, tham gia ý kiến; phục vụ đoàn giám sát:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

Điều 7. Chi hỗ trợ họp, hội nghị, hội thảo chuyên đề thực hiện nhiệm vụ chuyên môn do HĐND, Thường trực HĐND, Ban HĐND tỉnh tổ chức:

1. Hỗ trợ bài tham luận (Theo đơn đặt hàng):

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/bài;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/bài;
- Cấp xã: 200.000 đồng/bài.

2. Hỗ trợ bài phát biểu (chuẩn bị bằng văn bản):

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/bài;
- Cấp huyện: 150.000 đồng/bài;
- Cấp xã: 100.000 đồng/bài.

3. Người chủ trì:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

4. Thành viên và đại biểu mời dự họp, nhân viên phục vụ:

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 8. Hỗ trợ tổ đại biểu phục vụ hoạt động TXCT, giám sát của Đại biểu, Tổ đại biểu HĐND:

1. Hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri (Trường hợp tổ chức hai, hoặc ba cấp cùng một điểm, cùng thời điểm chỉ 01 cấp thanh toán):

- Cấp tỉnh: 700.000 đồng/điểm;
- Cấp huyện: 500.000 đồng/điểm;
- Cấp xã: 300.000 đồng/điểm.

2. Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu HĐND, đại biểu mời, nhân viên phục vụ tiếp xúc cử tri:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

3. Hỗ trợ đại biểu HĐND nghiên cứu tài liệu chuẩn bị tiếp xúc cử tri:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/đợt;
- Cấp huyện: 150.000 đồng/đợt;
- Cấp xã: 100.000 đồng/đợt.

4. Nghỉ trưa, tối (nếu có): Thanh toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 9. Chi hỗ trợ đối với đại biểu HĐND:

1. Hỗ trợ đi lại cho đại biểu HĐND thực hiện nhiệm vụ và tham gia các hoạt động của HĐND, tổ đại biểu HĐND:

a) Đại biểu HĐND tỉnh tại các đơn vị bầu cử huyện Hướng Hóa, Đakrông, Cồn Cỏ: 2.500.000 đồng/người/năm;

b) Đại biểu HĐND tại các địa phương còn lại:

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/người/năm;
- Cấp huyện: 1.200.000 đồng/người/năm;
- Cấp xã: 700.000 đồng/người/năm.

2. Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND được hỗ trợ tiền may trang phục (Đại biểu HĐND nhiều cấp chỉ được hỗ trợ một mức cao nhất của cấp đương nhiệm):

- Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người;
- Cấp huyện: 3.000.000 đồng/người;
- Cấp xã: 2.500.000 đồng/người.

3. Mỗi nhiệm kỳ HĐND đại biểu HĐND tỉnh được trang cấp một máy vi tính xách tay; HĐND cấp xã 01 bộ máy vi tính để bàn. Tùy thuộc kinh phí hoạt động của HĐND cấp huyện, cấp xã, Thường trực HĐND cùng cấp quyết định trang cấp máy vi tính xách tay cho đại biểu HĐND (Không cấp trùng đối với đại biểu HĐND tham gia nhiều cấp).

4. Đại biểu HĐND được hỗ trợ phí khai thác thông tin:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/người/tháng;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/tháng.

5. Thường trực HĐND, Trưởng, Phó trưởng các Ban HĐND các cấp được cấp 01 số báo Đại biểu Nhân dân ra hàng ngày.

6. Đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tính theo ngày thực tế hoạt động (x) hệ số (x) mức lương cơ sở: Cấp tỉnh hệ số 0,14; cấp huyện 0,12; cấp xã 0,10.

7. Hỗ trợ hoạt động của các chức danh do HĐND bầu, tính theo tháng.

a) Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND

- Cấp tỉnh: Hệ số 0,9;
- Cấp huyện: Hệ số 0,5;
- Cấp xã: Hệ số 0,2.

b) Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND

- Cấp tỉnh: Hệ số 0,8;
- Cấp huyện: Hệ số 0,5;
- Cấp xã: Hệ số 0,15.

c) Ủy viên Thường trực HĐND, Uỷ viên UBND

- Cấp tỉnh: Hệ số 0,7;
- Cấp huyện: Hệ số 0,2;
- Cấp xã: Hệ số 0,1.

d) Phó Trưởng ban HĐND:

- Cấp tỉnh: 0,5;
- Cấp huyện: 0,2;
- Cấp xã: 0,1.

đ) Thành viên Ban của HĐND:

- Cấp tỉnh: 0,3;
- Cấp huyện: 0,15;
- Cấp xã: 0,1.

e) Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND:

- Cấp tỉnh: 0,3;
- Cấp huyện: 0,2;
- Trong trường hợp HĐND cấp xã thành lập Tổ đại biểu HĐND xã thì Tổ trưởng được hưởng mức 0,1.

Điều 10. Tặng kỷ niệm chương

Đại biểu HĐND các cấp, cá nhân có nhiều thành tích, đóng góp vào quá trình phát triển của HĐND được xét tặng kỷ niệm chương kèm theo tiền thưởng. Tiền thưởng của cấp nào do cấp đó quyết định, nhưng không quá 500.000 đồng/KNC. Thường trực HĐND tỉnh ban hành quy chế xét tặng kỷ niệm chương để thực hiện.

Điều 11. Chi tổng kết nhiệm kỳ

Kế hoạch tổng kết nhiệm kỳ do Thường trực HĐND các cấp căn cứ điều kiện ngân sách và nhu cầu thực tế xem xét, quyết định.

Điều 12. Một số chế độ chi khác

1. Chi đón tiếp các đoàn khách Quốc tế; các đoàn lãnh đạo cấp cao; các đoàn khách trong nước do Thường trực HĐND tỉnh quyết định

2. Đại biểu HĐND đi tham quan, học tập kinh nghiệm và trao đổi kỹ năng hoạt động: Thường trực HĐND các cấp căn cứ điều kiện kinh phí và nhu cầu thực tiễn hàng năm để lập kế hoạch, dự toán cụ thể bảo đảm ít nhất một nhiệm kỳ đại biểu HĐND được đi thăm quan học tập trong nước 01 lần; đại biểu là thành viên các ban HĐND được đi nghiên cứu học tập chuyên đề 01- 02 lần. Đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách được khám sức khỏe định kỳ, mỗi năm một lần do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định.

3. Chế độ thăm hỏi, tặng quà đối với các đối tượng chính sách và một số đối tượng khác nhân dịp lễ, tết cổ truyền bao gồm:

a) Những người có công với cách mạng được quy định tại Khoản 1, Điều 2 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, trong học tập, nghiên cứu khoa học; gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các cơ sở bảo trợ xã hội như trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật, trường dân tộc nội trú; bệnh viện, trường học, các đơn vị lực lượng vũ trang, gia đình quân nhân công tác ở biên giới, hải đảo.

b) Hỗ trợ các cơ quan, địa phương tổ chức các ngày kỷ niệm lễ hội cấp tỉnh và các lễ hội khác theo chủ trương chung của tỉnh.

c) Thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất, tang chế đối với đại biểu HĐND, tứ thân phụ mẫu, vợ (chồng), con của đại biểu HĐND, công chức, nhân viên phục vụ trực tiếp hoạt động HĐND do Thường trực HĐND từng cấp quyết định.

Mức chi do Thường trực HĐND mỗi cấp tùy khả năng ngân sách được cấp để quyết định cụ thể.

4. Chi hỗ trợ Ban biên tập trang thông tin điện tử của HĐND; hỗ trợ cán bộ trực đường dây nóng của HĐND; hợp đồng chuyên gia, luật sư để tư vấn, thẩm định, đánh giá phục vụ hoạt động giám sát của HĐND về khiếu nại, tố cáo, thi hành án; hỗ trợ nghiên cứu khoa học; Hội nghị giao ban, rút kinh nghiệm Thường trực HĐND các cấp, tập huấn đại biểu; chi chế độ ăn, nghỉ cho đại biểu khách mời dự các cuộc họp HĐND, hội nghị, hội thảo; hỗ trợ hoạt động Đoàn Hội thẩm TAND; tặng quà tổng kết nhiệm kỳ, khen thưởng; chi mua sắm cơ sở

vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động HĐND; chi tiếp khách của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND; chi hỗ trợ các ngày Tết, lễ; chi hỗ trợ cho các hoạt động văn hoá, thể thao, các hoạt động nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của công chức, người lao động phục vụ trực tiếp hoạt động của HĐND và chi khác. Căn cứ quy định của nhà nước và tình hình thực tế, HĐND giao Thường trực HĐND cùng cấp quyết định.

5. Chi hỗ trợ trang phục, phục vụ hoạt động kỳ họp HĐND cho công chức, nhân viên (Văn phòng HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND-UBND huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn) phục vụ trực tiếp hoạt động HĐND. HĐND giao Thường trực HĐND cùng cấp quyết định nhưng không vượt quá 70% định mức chi hoạt động của đại biểu HĐND mỗi cấp.

6. Chi hỗ trợ ăn giữa trưa cho cán bộ, công chức, nhân viên chuyên trách tham mưu, phục vụ hoạt động HĐND theo khoản (b), Mục 7, Điều 3 của Thông tư liên tịch Bộ Tài chính – Bộ Nội vụ số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014; Chế độ sử dụng điện thoại theo Quyết định số 17/VBHN-BTC ngày 04/3/2014 của Bộ Tài chính và một số chế độ chi khác từ nguồn kinh phí đặc thù do Thường trực HĐND quyết định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Thực hiện chế độ chi, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật. Việc chi phục vụ các đoàn công tác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các cá nhân tham gia đoàn công tác do HĐND cấp triệu tập đảm bảo.

Điều 14. Căn cứ vào chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước, của tỉnh và các định mức chi tiêu tại Quy định này, Thường trực HĐND, UBND các cấp và các cơ quan liên quan có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện đúng đối tượng, mức chi, đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Văn Hùng